

PHẬT THUYẾT PHÁP THỪA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH KINH

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Tỳ-kheo Thập Thâm Dũng Mãnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là trụ trong bốn Niệm xứ?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Đó là quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân đều là sắc như uế, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán thọ bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là các khổ, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán tâm bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là hư giả, vô thường, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán pháp bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là vô ngã, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Tỳ-kheo! Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Chánh đoạn là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Dùng sức tinh tấn đoạn trừ, điều phục, không để sinh khởi pháp ác chưa sinh.
2. Dùng sức tinh tấn đoạn trừ, điều phục tất cả pháp ác đã sinh.
3. Dùng sức tinh tấn chánh niệm thọ trì sinh khởi những pháp lành chưa sinh.
4. Dùng sức tinh tấn, an trụ vững chắc, chánh niệm thọ trì, tăng trưởng những pháp lành đã sinh.

Đó gọi là bốn Chánh đoạn.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Thần túc là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Dục định đoạn hành: Đạt được mong muốn dựa trên suy xét, liả dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.
2. Cần định đoạn hành: Đạt được siêng năng dựa trên suy xét, liả dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.
3. Tâm định đoạn hành: Đạt tâm dựa trên suy xét, liả dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.
4. Quán định đoạn hành: Đạt quán dựa trên suy xét liả dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Thần túc.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm căn là gì?

Phật nói:

–Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Tín căn là gì? Nghĩa là tin nhân quả, luân hồi ở thế gian, tín hạnh chánh kiến, nghiệp báo sai khác, người tạo nghiệp thiện ác thì chịu quả tương xứng. Dùng tín căn

của mình hiểu biết như thật.

Tấn căn là gì? Nghĩa là tin thích diệu pháp, siêng năng tu hành đúng pháp.

Niệm căn là gì? Nghĩa là dùng sức tinh tấn, tịnh tu hạnh lành, luôn tu tập không thoái chuyển.

Định căn là gì? Nghĩa là chuyển tâm vào một cảnh giới pháp, không tán loạn.

Tuệ căn là gì? Nghĩa là ở trong định quán chiếu tất cả, thông đạt vô ngại.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm Lực là gì?

Phật nói:

–Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Tín lực là gì? Tín là nguồn gốc mà chúng sinh thọ trì pháp của Như Lai, an trụ hoàn toàn không thoái chuyển, tin hiểu, tùy thuận thọ trì tất cả pháp Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm thế gian.

Tấn lực là gì? Nghĩa là dũng mãnh, siêng năng, vững chãi an trụ trong pháp lành không mỗi mảy, dù bị khổ đau vẫn chịu đựng được, không bỏ xe pháp, luôn cầu tiến.

Niệm lực là gì? Nghĩa là luôn an trụ chánh niệm, nhớ nghĩ vững chắc, không tán loạn, không quên.

Định lực là gì? Nghĩa là hàng phục được nghiệp quả dục nhiễm và các pháp bất thiện, cho đến an trụ trong bốn Thiền Tam-muội.

Tuệ lực là gì? Nghĩa là trụ trong thế gian có chánh tuệ, tu hành đầy đủ Thánh đạo, bỏ pháp bất thiện, trừ gốc khổ.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bảy Giác chi là gì?

Phật nói:

–Đó là trạch pháp giác chi, niệm giác chi, định giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, xả giác chi, hỷ giác chi.

Trạch pháp giác chi là gì? Nghĩa là phân biệt được các pháp bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâm phục tranh luận.

Niệm giác chi là gì? Nghĩa là chánh niệm, tu tập các pháp bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâm phục, tranh luận.

Tinh tấn giác chi là gì? Nghĩa là siêng năng tu tập hạnh lành bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâm phục, tranh luận.

Khinh an giác chi là gì? Nghĩa là đối với các pháp bỏ sự thô nặng, thân tâm nhẹ nhàng dựa trên suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâm phục, tranh luận.

Xả giác chi là gì? Nghĩa là đối với các pháp, bỏ phóng dật, tâm tịch tĩnh, bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâm phục, tranh luận.

Hỷ giác chi là gì? Nghĩa là vui vẻ thọ trì các pháp bằng suy xét lìa dục, tịch diệt, thâm phục, tranh luận.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tám Thánh đạo là gì?

Phật nói:

–Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Chánh kiến là gì?

–Dùng chánh kiến thông đạt, hiểu rõ những cảnh giới thấy được có thủ, xả, nghiệp

thiện ác, quả báo của nghiệp thiện ác, những nghiệp thế, xuất thế của chúng sinh, cho đến các quả báo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đời này đời sau, thiện hạnh vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, đoạn trừ hẳn hoặc chướng, những gì cần làm, đã làm đạt bờ giải thoát.

Chánh tư duy là gì?

–Dùng trí tuệ phân biệt, lựa chọn để ba nghiệp thân, ngữ, ý không bị lỗi lầm.

Chánh ngữ là gì?

–Đoạn trừ hết những lời nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi.

Chánh nghiệp là gì?

–Chúng sinh đoạn trừ sát sinh, trộm cướp, dục nhiễm.

Chánh mạng là gì?

–Nhận những y phục, ngọa cụ, thức ăn, thuốc uống để nuôi mạng sống không bằng tà mạng.

Chánh tinh tấn là gì?

–Dùng mãnh phá dẹp ma phiến não, luôn siêng tu hạnh lành.

Chánh niệm là gì?

–Nhớ những pháp thiện đã tu trong quá khứ, luôn thọ trì không nhầm lẫn.

Chánh định là gì?

–Tâm an trụ trong Chỉ, Quán, tịch tĩnh không lay động.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười sáu tâm niệm là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Niệm tâm hòa hợp, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm tương ứng, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

2. Niệm tự tánh của pháp, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tự tánh của pháp, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

3. Niệm pháp tăng trưởng, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm pháp tăng trưởng, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

4. Niệm thân chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

5. Niệm thân hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân hành chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

6. Niệm tất cả thân chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tất cả thân chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

7. Niệm tất cả thân hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tất cả thân hành chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

8. Niệm thân hành khinh an, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân hành khinh an, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

9. Niệm hỷ chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm hỷ chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

10. Niệm lạc chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm lạc chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

11. Niệm tâm chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

12. Niệm tâm hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hành chánh tri, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

13. Niệm tâm hành khinh an, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hành khinh an, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

14. Niệm tâm hỷ lạc, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hỷ lạc, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

15. Niệm tâm thắng giải, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm thắng giải, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

16. Niệm tâm đẳng dẫn, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm đẳng dẫn, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

Như thế cho đến quán vô thường, quán ly dục, quán tịch diệt, quán xuất ly, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật, tương ứng bình đẳng, biết rõ như thật.

Tỳ-kheo! Đó gọi là mười sáu tâm niệm.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn quả Thanh văn là gì?

Phật nói:

–Đó là quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Những người chứng quả Thanh văn này tin hiểu mười hiệu của Như Lai, công đức viên mãn, hiểu rõ chánh pháp thanh tịnh, giảng thuyết cho mọi loài không cùng tận; hiểu rõ Tăng-già đầy đủ các việc thiện, công đức viên mãn, thấu tỏ lý vô ngã, tịnh tu phạm hạnh, đủ giới định tuệ, giải thoát vô ngại, giải thoát tri kiến, đủ công đức xuất thế, chuyển bánh xe chánh pháp, chứng quả Tu-đà-hoàn, công đức đầy đủ chứng quả Tư-đà-hàm, công đức đầy đủ chứng quả A-na-hàm, công đức đầy đủ chứng quả A-la-hán, đủ công đức nơi giới tịnh viên mãn, Thánh trí hiển hiện, tự tại an ổn, không còn phiền não, cho đến đời vị lai cũng không gián đoạn, không thoái chuyển, dùng trí phương tiện quán xét, thông đạt tất cả không ngại. Tỳ-kheo! Như thế gọi là bốn quả Thanh văn.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười Lực của Như Lai là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Xứ phi xứ trí lực: Hiểu đúng về nhân quả tương ứng, bất tương ứng.

2. Tự nghiệp trí lực: Hiểu đúng về ba nghiệp của ba đời.

3. Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực: Biết rõ tất cả.

4. Căn thắng liệt trí lực: Hiểu rõ về năm căn: tín... hoặc tâm nhu hòa trung, thượng.

5. Chủng chủng thắng giải trí lực: Quán sát tất cả pháp, thông đạt, hiểu rõ.

6. Chủng chủng giới trí lực: Hiểu rõ giới tánh của vô số thế giới.

7. Biến thú hành trí lực: Hiểu rõ mọi sự sai biệt của các cõi.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực: Hiểu rõ về đời sống trong quá khứ.

9. Sinh diệt trí lực: Hiểu rõ về nhân duyên sinh diệt của các loài hữu tình.

10. Lưu tận trí lực: Đoạn trừ hết các hoặc nghiệp.

Tỳ-kheo! Đó gọi là mười Lực của Như Lai.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Vô sở úy là gì?

Phật nói:

–Đó là:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

1. Chánh đẳng giác vô úy: Phật ở quả vị Chánh đẳng giác biết hết các pháp, tâm không sợ sệt, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, A-tu-la... đều cung kính.

2. Lưu tận trí vô úy: Như Lai chấm dứt hết các lậu hoặc dục nhiễm, phiền não, trụ nơi an ổn không lo sợ, gầm tiếng gầm của sư tử trong đại chúng, Phạm vương, Đế Thích, Chuyển luân thánh vương... tôn trọng khen ngợi.

3. Xuất chướng đạo vô úy: Như Lai hiểu rõ Thánh đạo của ba thừa, đối với các pháp không chướng ngại, tâm không lo sợ; chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đều cung kính.

4. Xuất khổ đạo vô úy: Như Lai đã trải qua vô số kiếp tu tập pháp thiện, đủ năng lực quyết định, ra khỏi đường khổ; chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đều cung kính.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Vô sở úy.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Vô ngại biện là gì?

Phật nói:

–Đó là Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Biện tài vô ngại biện.

1. Pháp vô ngại biện: Trí không thoái chuyển về pháp vô lậu.

2. Nghĩa vô ngại biện: Trí không thoái chuyển về tuyên thuyết về thật nghĩa.

3. Từ vô ngại biện: Giải thích được tất cả những vấn nạn của chúng sinh, làm cho chúng sinh vui vẻ.

4. Biện tài vô ngại biện: Trí không thoái chuyển, thông đạt được tất cả pháp xuất thế gian.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Vô ngại biện.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười tám pháp Bất cộng là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Như Lai không lỗi lầm.

2. Không có lời nói thô.

3. Không vọng tưởng.

4. Không có tâm bất định.

5. Không quên niệm.

6. Không xả dục mà không quyết đoán.

7. Niệm không giảm.

8. Tinh tấn không giảm.

9. Định không giảm.

10. Tuệ không giảm.

11. Giải thoát không giảm.

12. (*)

13. Thân nghiệp luôn hành theo trí tuệ.

14. Ngữ nghiệp luôn hành theo trí tuệ.

(*) 12. Giải thoát tri kiến không giảm (Bản Hán thiếu)

15. Ý nghiệp luôn hành theo trí tuệ.

16. Biết rõ đời quá khứ không chấp trước, không chướng ngại.

17. Biết rõ vị lai không chấp trước, không chướng ngại.

18. Biết rõ hiện tại không chấp trước, không chướng ngại.

Tỳ-kheo! Như thế gọi là mười tám pháp Bất cộng.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba mươi hai tướng của Phật là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn.

2. Dưới bàn chân có hình bánh xe ngàn căm.

3. Tay chân mềm mại như Đâu-la-miên.

4. Giữa ngón tay chân có màng lưới vàng.

5. Ngón tay chân thon dài tròn trịa.

6. Gót chân tương xứng với mu bàn chân.

7. Mu bàn chân cao đầy tương xứng với gót chân.

8. Bắp chân tròn như chân nai chúa Ê-nê-gia.

9. Tay tròn dài quá gối như vòi voi.

10. Nam căn ẩn kín như tướng voi rừng.

11. Chân lông xanh xoay tròn về bên phải.

12. Tóc mềm xoắn cuộn về bên phải.

13. Da màu hoàng kim sáng bóng sạch đẹp.

14. Da trơn mịn không bụi đất.

15. Bảy chỗ: Lòng bàn tay, bàn chân, hai vai, cổ bằng phẳng tròn đầy.

16. Giữa vai và sau cổ tròn đầy đẹp.

17. Hai nách sạch đẹp.

18. Dung nghi tuấn tú.

19. Thân cao đẹp cân xứng.

20. Thể tướng cân đối.

21. Thân trên to lớn đỉnh đạt như sư tử chúa.

22. Thân luôn phóng hào quang một tầm.

23. Đủ bốn mươi chiếc răng ngay thẳng, sạch đẹp kín.

24. Bốn răng cửa bén trắng, trong như tuyết ngọc.

25. Được thức ăn tối thượng.

26. Lưỡi rộng dài che cả mặt.

27. Tiếng nói hay ai cũng thích nghe.

28. Lông mi suông đẹp như mắt trâu chúa.

29. Mắt xanh biết đen trắng rõ ràng.

30. Mặt như trăng tròn, lông mày sạch đẹp như cung Đế Thích.

31. Lông trắng giữa hai chặn mày xoay về bên phải sáng đẹp mềm như Đâu-la-miên.

32. Trên đầu có nhục kế như Thiên ái.

Tỳ-kheo! Như thế gọi là ba mươi hai tướng.

